

**Hướng dẫn nhập học
Kỳ Thu 2026
Cho sinh viên quốc tế**



**SUNGSHIN
WOMEN'S
UNIVERSITY**



SUNGSHIN
WOMEN'S UNIVERSITY

[2025-BA-0024]

2025 BEST ACCREDITED UNIVERSITY

by IEQAS

(International Education Quality Assurance System)



성신여자대학교
Sungshin Women's University

2026. 3. ~ 2027. 2.



Ministry of Education

Mục lục

I. Thời gian tuyển sinh	4
II. Khối ngành tuyển sinh	5
III. Tư cách ứng tuyển	7
IV. Cách thức ứng tuyển	8
V. Hồ sơ yêu cầu	10
VI. Cách thức xét tuyển	12
VII. Nội dung cần lưu ý	13
VIII. Học bổng và hỗ trợ	14
IX. Học phí	17
X. Các quốc gia nói tiếng Anh	17
XI. Ký túc xá	18

I. Thời gian tuyển sinh

Quy trình	Lịch trình		Ghi chú
	Đợt 1	Đợt 2	
Đăng ký trực tuyến	15.04.2026.(T4) 10:00 ~ 02.06.2026.(T3) 17:00	01.07.2026.(T4) 10:00 ~ 08.07.2026.(T4) 17:00	Đăng ký trực tuyến - Trang web tuyển sinh của trường (https://ipsi.sungshin.ac.kr) - Trang web của Jinhak Apply (https://www.jinhakapply.com/)
Nộp hồ sơ	15.04.2026.(T4) 10:00 ~ 02.06.2026.(T3) 17:00	01.07.2026.(T4) 10:00 ~ 08.07.2026.(T4) 17:00	Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện - Khi gửi qua đường bưu điện, chấp nhận các hồ sơ đến đúng trong thời hạn - Thời gian có thể nộp trực tiếp : ngày thường 10:00 ~ 17:00 (Trừ giờ nghỉ trưa: 12:00 ~ 13:00) ※ Không nộp hồ sơ xem như bị loại. ※ Lưu ý: Khi nộp hồ sơ nhất định phải in địa chỉ chuyển phát trên trang web Jinhak và dán trên phong bì hồ sơ ※ Địa chỉ nộp hồ sơ: International Admissions Service Center #1007, 10F, Hanaro Building 25 Insadong 5-gil, Jongno-gu Seoul 03162, Republic of Korea
Thông báo trúng tuyển	Dự kiến 24.06.2026.(T4) 10:00	Dự kiến 29.07.2026.(T4) 10:00	Trang web tuyển sinh của trường (https://ipsi.sungshin.ac.kr)
In giấy xác nhận trúng tuyển & giấy báo học phí	24.06.2026.(T4) ~ 26.06.2026.(T6)	29.07.2026.(T4) ~ 31.07.2026.(T6)	
Thời hạn nộp học phí	24.06.2026.(T4) ~ 26.06.2026.(T6)	29.07.2026.(T4) ~ 31.07.2026.(T6)	Cách nộp học phí: qua Flywire hoặc chuyển khoản và tài khoản Hàn Quốc (tài khoản Hàn Quốc không thể nhận chuyển khoản từ nước ngoài)
Khai giảng	01.09.2026.(T3)		

※ Lịch trình trên có thể có một số thay đổi tùy thuộc vào tình hình của trường.

※ Lịch tuyển sinh đợt 2 dành cho những sinh viên đang cư trú tại Hàn Quốc và những sinh viên có thể xin cấp visa nhanh chóng. Thư mời nhập học đợt 2 sẽ được cấp lần lượt từ ngày 29.07.2026(Thứ 4) cho các sinh viên đã hoàn tất việc nộp học phí và nộp đầy đủ hồ sơ đăng ký nhập học bao gồm cả xác nhận số dư tài khoản ngân hàng. Vì vậy chỉ những trường hợp không gặp vấn đề về thời gian xin cấp visa mới nên đăng ký xét tuyển đợt 2.

※ Tất cả lịch trình đều lấy tiêu chuẩn là giờ Hàn Quốc.

II. Khối ngành tuyển sinh

1. Sinh viên mới

- ▣ Các khoa có thể tuyển không giới hạn số lượng nhưng ứng viên trúng tuyển được lựa chọn dựa trên khả năng đào tạo của khoa (bộ môn) và khả năng học tập của ứng viên.

*Khoa (bộ môn) Giáo dục nghệ thuật và thể chất

**Chương trình Hệ tiếng Anh

Đại học	Khoa/nhóm ngành
Đại học nghệ thuật sáng tạo	Hàn Quốc học Quốc tế (Giáo dục tiếng Hàn)
	Hàn Quốc học Quốc tế (Văn hóa và Giải trí Hàn Quốc)**
	Công nghiệp làm đẹp·Thiết kế thời trang**
Đại học Nhân văn & Nghệ thuật	Khoa Ngữ văn, Khoa Ngữ văn Anh, Khoa Văn hóa & Ngữ văn Đức, Khoa Văn hóa & Ngữ văn Pháp, Khoa Văn hóa & Ngữ văn Nhật, Khoa Văn hóa & Ngữ văn Trung Quốc, Khoa Sử, Khoa Kinh doanh văn hóa & nghệ thuật, Khoa Trình diễn hình ảnh media* , Khoa Âm nhạc Ứng dụng hiện đại* , Khoa Múa Nghệ thuật*
Đại học Khoa học Xã hội	Khoa Chính trị ngoại giao, Khoa Tâm lý, Khoa Địa lý, Khoa Kinh tế, Khoa Truyền thông đa phương tiện, Khoa Quản trị kinh doanh, Khoa Phúc lợi xã hội
Đại học Luật	Khoa Luật
Đại học Khoa học Tự nhiên	Khoa Khoa học Dữ liệu Thống kê và Toán học (Chuyên ngành Toán học/Fintech), Khoa Khoa học Dữ liệu Thống kê và Toán học (Chuyên ngành Thống kê/Khoa học Dữ liệu lớn), Khoa liên ngành Hóa học và Năng lượng (Chuyên ngành Hóa học/Năng lượng thông minh), Khoa Công nghệ Sinh học Sức khỏe (Chuyên ngành dịch vụ về Sinh học Sức khỏe /Thực phẩm và dinh dưỡng)
Đại học Khoa học Kỹ Thuật	Khoa Kỹ Thuật Vật liệu sạch/ mới, Khoa Kỹ thuật thực phẩm sinh học Khoa sinh học dược phẩm mới (Chuyên ngành Công nghệ Sinh học, Dược phẩm sinh học mới, Y học toàn cầu)
Đại học Tích hợp AI	Khoa Tích hợp AI (chuyên ngành AI/ Hệ thống thông minh), Khoa khoa học máy tính, Khoa tích hợp kỹ thuật An ninh mạng, Khoa Kỹ thuật thiết kế dịch vụ
Đại học Điều dưỡng	Khoa Điều dưỡng
Đại học Công nghiệp Đời sống	Khoa Công nghiệp may mặc, Khoa Công Nghiệp Người Tiêu dùng, Khoa Công nghiệp Làm Đẹp* , Khoa Khoa học Thể thao (Chuyên ngành Phục hồi Thể thao)*
Đại học Sư phạm	Khoa Giáo dục, Khoa Giáo dục xã hội, Khoa Giáo dục đạo đức, Khoa Giáo dục Hán văn, Khoa Giáo dục trẻ em
Đại học Mỹ thuật	Khoa Hội họa phương Đông* , Khoa Hội họa phương Tây* , Khoa Điêu khắc* , Khoa Thủ công mỹ nghệ* , Khoa Thiết kế*
Đại học Âm nhạc	Khoa Thanh nhạc* , Khoa Nhạc cụ* , Khoa Sáng tác*

※ Trừ Đại học Quốc tế, tất cả các khoa chỉ nhận sinh viên nữ.

※ Đại học Sư phạm chỉ tuyển sinh dưới 10% so với các khoa khác theo 'Quy định quản lý số lượng sinh viên (Khác) của Cơ quan Đào tạo Giáo viên' của Bộ Giáo dục.

2. Sinh viên chuyển tiếp

- ▣ Các khoa có thể tuyển không giới hạn số lượng nhưng ứng viên trúng tuyển được lựa chọn dựa trên khả năng đào tạo của khoa (bộ môn) và khả năng học tập của ứng viên.

*Khoa Giáo dục nghệ thuật và thể chất

Đại học	Khoa/nhóm ngành
Đại học Nhân văn & Nghệ thuật	Khoa ngôn ngữ Hàn, Khoa ngôn ngữ Anh, Khoa Văn hóa & ngôn ngữ Đức, Khoa Văn hóa & ngôn ngữ Pháp, Khoa Văn hóa & ngôn ngữ Nhật, Khoa Văn hóa & ngôn ngữ Trung Quốc, Khoa Sư, Khoa Kinh doanh văn hóa & nghệ thuật, Khoa Truyền thông hình ảnh & diễn xuất* , Khoa âm nhạc ứng dụng hiện đại* , Khoa Múa nghệ thuật*
Đại học Khoa học Xã hội	Khoa Chính trị ngoại giao, Khoa Tâm lý, Khoa Địa lý, Khoa Kinh tế, Khoa Truyền thông đa phương tiện, Khoa Quản trị kinh doanh, Khoa Phúc lợi xã hội
Khoa Luật	Khoa Luật
Đại học Khoa học Tự nhiên	Khoa Khoa học dữ liệu toán học và thống kê (Chuyên ngành toán học), Khoa Khoa học dữ liệu toán học và thống kê (Chuyên ngành Fintech), Khoa Khoa học dữ liệu toán học và thống kê (Chuyên ngành thống kê), Khoa Khoa học dữ liệu toán học và thống kê (Chuyên ngành khoa học dữ liệu lớn), Khoa Hóa học & Năng lượng (chuyên ngành Hóa học/ Năng lượng thông minh) Khoa Công nghệ Sinh học Sức khỏe (Chuyên ngành dịch vụ sức khỏe), Khoa Công nghệ Sinh học Sức khỏe (Chuyên ngành Thực phẩm và dinh dưỡng)
Đại học Khoa học Kỹ Thuật	Khoa Công nghệ thiết kế & dịch vụ, Khoa liên ngành Công nghệ Bảo mật, Khoa kỹ thuật máy tính, Khoa liên ngành Công nghệ năng lượng sạch, Khoa Công nghệ Thực phẩm sinh học, Khoa Công nghệ sinh học, Khoa liên ngành AI (Chuyên ngành AI), Khoa liên ngành AI (Chuyên ngành IoT thông minh)
Đại học Điều dưỡng	Khoa Điều dưỡng
Đại học Công nghiệp đời sống	Khoa Công nghiệp May mặc, Khoa Công Nghiệp Người Tiêu dùng, Khoa Công nghiệp làm đẹp* , Khoa Khoa học Thể thao (Chuyên ngành Thể thao Giải trí)* , Khoa Khoa học Thể thao (Chuyên ngành Phục hồi Thể thao)*
Đại học Mỹ thuật	Khoa Hội họa phương Đông, Khoa Hội họa phương Tây, Khoa Điêu khắc, Khoa Thủ công mỹ nghệ, Khoa Thiết kế
Đại học Âm nhạc	Khoa Thanh nhạc* , Khoa Nhạc cụ* , Khoa Sáng tác*

※Tất cả các khoa chỉ nhận hồ sơ của sinh viên nữ. (Tuy nhiên, trong số những người đã có bằng cao đẳng về 'Chuyên ngành Thiết kế Trang điểm', nếu đã có ít nhất 1 kỳ là học sinh trao đổi ở trường Sungshin trong thời gian họ theo học thì có thể đăng ký chuyển sang 'Khoa Công nghiệp Thẩm Mỹ' bất kể giới tính.)

3. Hướng dẫn chứng nhận chương trình giảng dạy

- ▣ Chuyên khoa tuyển sinh dưới đây đã hoàn thành việc cấp chứng chỉ cho chương trình giảng dạy bởi cơ quan được Bộ Giáo dục chỉ định.

Khoa/Ngành	Cơ quan chứng nhận	Kết quả chứng nhận	Thời hạn có hiệu lực	Ghi chú
Khoa Điều dưỡng	Viện Giáo dục và Đánh giá Điều dưỡng Hàn Quốc	Chứng nhận	~ 2027.12.16.	Chương trình cử nhân

III. Tư cách ứng tuyển

1. Sinh viên mới

- ▣ Những người đáp ứng các tiêu chuẩn sau

	Tư cách ứng tuyển	
	Đại học Quốc tế	Các khoa khác ngoài Đại học Quốc tế
Sinh viên mới (Năm 1)	① (Trước khi bắt đầu chương trình đào tạo tương đương với chương trình THPT) Người có cha mẹ và bản thân đều mang quốc tịch nước ngoài ② Tốt nghiệp THPT trong nước hoặc nước ngoài hoặc dự kiến tốt nghiệp vào tháng 8 năm 2026 (Chứng nhận kỳ thi đánh giá năng lực trong và ngoài nước như GED, học tại nhà, học qua mạng, v.v. không được công nhận)	③ Người đạt cấp độ 3 trở lên trong kỳ thi năng lực tiếng Hàn (TOPIK) - Ứng viên đạt cấp độ 2 trở lên trong kỳ thi năng lực tiếng Hàn (TOPIK) vẫn có thể ứng tuyển vào các Khoa Nghệ thuật và Khoa Giáo Dục thể chất và Khoa Công nghiệp May mặc. ※ Tuy nhiên, sinh viên cần hoàn thành 300 giờ đào tạo tiếng Hàn tại Viện Giáo dục Quốc tế của trường Đại học Nữ Sungshin trong vòng một năm sau khi nhập học.
	③ [Hệ tiếng Hàn] - Người đạt cấp độ 3 trở lên trong kỳ thi năng lực tiếng Hàn (TOPIK) [Hệ tiếng Anh] - TOEFL 71, IELTS 5.5 trở lên hoặc sinh có quốc tịch của các quốc gia nói tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ hoặc sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức theo pháp luật.	

- Chấp nhận chứng chỉ TOEFL iBT Home Edition và My Best Score.
- Chứng chỉ năng lực tiếng Hàn (TOPIK) chỉ được chấp nhận nếu còn trong thời hạn hiệu lực (2 năm) kể từ thời hạn nộp đơn.
- TOPIK PBT và IBT (dạng thông thường) đều được công nhận. (Không công nhận TOPIK IBT dạng thí điểm)
- Ứng viên đã đạt TOPIK cấp 3 trở xuống có thể đăng ký nhập học nhưng phải đạt TOPIK cấp 4 trở lên trước khi tốt nghiệp.

2. Sinh viên chuyển tiếp

- ▣ Ứng viên phải đáp ứng đủ các điều kiện của sinh viên mới ở trên và đáp ứng một trong các yêu cầu dưới đây

	Yêu cầu về học lực
Sinh viên chuyển tiếp (Năm 3)	① Những người đã hoàn thành 2 năm hoặc hơn 4 học kỳ (bao gồm cả những học kỳ dự kiến hoàn thành vào tháng 8 năm 2026) tại một trường đại học 4 năm ở Hàn Quốc hoặc nước ngoài và đã hoàn thành ít nhất 1/2 số tín chỉ tối thiểu cần thiết để lấy bằng cử nhân ② Sinh viên tốt nghiệp các trường cao đẳng (2-3 năm) trong nước hoặc nước ngoài (bao gồm cả những sinh viên dự kiến tốt nghiệp vào tháng 2 năm 2026) hoặc những sinh viên được công nhận có trình độ học vấn tương đương hoặc cao hơn theo luật và quy định liên quan ③ Ứng viên đã đạt TOPIK cấp 3 trở xuống - Đạt TOPIK 2 có thể ứng tuyển vào Khoa giáo dục nghệ thuật và thể chất, Công nghiệp thời trang. ※ Nhưng trong 1 năm sau nhập học phải hoàn thành 300 giờ học tiếng Hàn tại Viện giáo dục tiếng Hàn của trường.

- Tín chỉ và điểm đạt được trong các học kỳ phụ (mùa hè và mùa đông) được công nhận nhưng không được tính là học kỳ đã hoàn thành.
- Đối với những trường không cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học, cần phải hoàn thành 2 năm hoặc 4 học kỳ trở lên và đạt ít nhất 1/2 số tín chỉ tối thiểu cần thiết để lấy bằng cử nhân (2/3 trở lên đối với các trường đại học 3 năm ở hệ thống đại học của Vương quốc Anh).
- Với các khoa thông thường, có thể nộp đơn bất kể đã học khoa khác, nhưng đối với **Khoa Giáo dục nghệ thuật và thể chất**, chỉ những ứng viên cùng khoa **mới có thể ứng tuyển**. ※ Khoa Khoa học Thể thao (Chuyên ngành Thể thao Giải trí) và Công nghiệp làm đẹp có thể nộp đơn vào các khoa khác.
- Năm chuyển tiếp là năm thứ 3; nhưng trong trường hợp người nước ngoài đã có bằng cao đẳng 3 năm trở lên cùng lĩnh vực Thâm Mỹ do cơ sở giáo dục đại học trong hoặc ngoài nước cấp thì sẽ được chuyển tiếp lên năm 4 của Khoa Công nghiệp Thâm Mỹ của đại học Sungshin.
- Những ứng viên đã nhận bằng cao đẳng thuộc 'Chuyên ngành Thiết kế Trang điểm' và có ít nhất 1 kỳ trong quá trình học là sinh viên trao đổi tại đại học Sungshin có thể đăng ký chuyển tiếp sang Khoa Công nghiệp Thâm Mỹ bất kể giới tính.

※ Tuyển sinh đặc biệt dành cho người nước ngoài không giới hạn địa điểm trường học nhưng học sinh Hàn kiều có hai quốc tịch không thể đăng ký ứng tuyển.

IV. Cách thức ứng tuyển

1. Nộp đơn đăng ký và hồ sơ

1) Đợt 1

Phân loại	Đăng ký trực tuyến	Nộp hồ sơ
Thời gian nộp	15.04.2026. (T4) 10:00 ~ 02.06.2026. (T3) 17:00	15.04.2026. (T4) 10:00 ~ 02.06.2026. (T3) 17:00
Phương thức nộp	Nộp đơn trực tuyến	Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện - Khi gửi qua đường bưu điện, chấp nhận các hồ sơ đến đúng trong thời hạn - Thời gian có thể nộp trực tiếp: Ngày thường 10:00 ~ 17:00 (trừ giờ nghỉ trưa 12:00 ~ 13:00)
Địa chỉ nộp	- Trang web tuyển sinh của trường (https://ipsi.sungshin.ac.kr) - Trang web của Jinhak Apply (https://ww.jinhakapply.com)	(03162) International Admissions Service Center #1007, 10F, Hanaro Building, 25 Insadong 5-gil, Jongno-gu Seoul, Republic of Korea ※ Lưu ý: Khi nộp hồ sơ nhất định phải in địa chỉ chuyển phát trên trang web Jinhak và dán trên phong bì hồ sơ.

2) Đợt 2

Phân loại	Đăng ký trực tuyến	Nộp hồ sơ
Thời gian nộp	01.07.2026.(T4) 10:00 ~ 08.07.2026.(T4) 17:00	01.07.2026.(T4) 10:00 ~ 08.07.2026.(T4) 17:00
Phương thức nộp	Nộp đơn trực tuyến	Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện - Khi gửi qua đường bưu điện, chấp nhận các hồ sơ đến đúng trong thời hạn - Thời gian có thể nộp trực tiếp: Ngày thường 10:00 ~ 17:00 (trừ giờ nghỉ trưa 12:00 ~ 13:00)
Địa chỉ nộp	- Trang web tuyển sinh của trường (https://ipsi.sungshin.ac.kr) - Trang web của Jinhak Apply (https://ww.jinhakapply.com)	(03162)International Admissions Service Center #1007, 10F, Hanaro Building, 25 Insadong 5-gil, Jongno-gu Seoul, Republic of Korea ※ Lưu ý: Khi nộp hồ sơ nhất định phải in địa chỉ chuyển phát trên trang web Jinhak và dán trên phong bì hồ sơ.

3) Lưu ý

- Ứng viên chỉ có thể nộp một bộ hồ sơ (không được phép nộp nhiều bộ hồ sơ).
- Nếu hồ sơ không được nộp đúng thời hạn nộp hồ sơ, ứng viên sẽ bị loại vì không đủ điều kiện (chấp nhận theo đầu bưu điện).
- Vui lòng sắp xếp và gửi các tài liệu đã nộp theo thứ tự, viết tên và loại chứng chỉ ở góc dưới bên phải.
(Ví dụ: Kim Seongshin, bảng điểm trung học)
- Các mẫu đơn như mẫu đơn đăng ký và mẫu đơn kiểm tra tư cách ứng tuyển... có thể được tải xuống từ trang web tuyển sinh của trường đại học Sungshin.

2. Chú ý khi nộp đơn đăng ký

- 1) Kiểm tra lại điều kiện ứng tuyển trước khi gửi đơn đăng ký.
- 2) Sau khi hoàn tất đơn đăng ký, ứng viên không thể thay đổi thông tin đã cung cấp hoặc hủy đơn đăng ký và phí đăng ký sẽ không được hoàn lại. Tuy nhiên, nếu ứng viên không thể dự thi sau khi đã thanh toán phí đăng ký vì những lý do không liên quan khách quan, chẳng hạn như thiên tai, bệnh tật hoặc các tai nạn khác, ứng viên có thể gửi đơn xin hoàn phí đăng ký kèm các tài liệu chứng minh để được xem xét và nhận hoàn lại một phần hoặc toàn bộ phí đăng ký.

※ Hạn chót nộp đơn xin hoàn phí đăng ký và các tài liệu chứng minh – đến ngày 31.07.2026 (Thứ 6)

- 3) Thông tin về việc hoàn trả phí đăng ký theo tỷ lệ

Theo Mục 34, điều 4 khoản 5 đạo luật Giáo dục Đại học, nếu phát sinh số dư do thu nhập và chi phí liên quan đến quá trình nhập học tỷ lệ thuận với phí nhập học do ứng viên thanh toán trong quá trình tuyển sinh thì sẽ được hoàn trả theo một trong những phương thức dưới đây mà ứng viên đã chọn.

- Trực tiếp đến trường đại học
- Chuyển khoản vào số tài khoản ngân hàng do người được hoàn trả đã điền khi nộp hồ sơ.

- Nếu ứng viên lựa chọn phương thức chuyển tiền hoàn trả vào tài khoản ban đầu chuyển phí thì chi phí phát sinh phía ngân hàng sẽ được trừ vào số tiền hoàn trả. Ngoài ra, nếu chi phí giao dịch ngân hàng vượt quá số tiền được hoàn lại thì sẽ không được hoàn trả.

- 4) Lưu ý khi nộp ảnh

- Nộp ảnh CMND (màu, 3cm x 4cm) được chụp trong vòng 3 tháng gần nhất.
- Không được nộp ảnh chụp khi đang đội mũ, đeo khẩu trang, đeo kính râm... ảnh đã qua chỉnh sửa quá mức khiến khó nhận dạng được danh tính hoặc ảnh của người khác.

- 5) Hướng dẫn về thu thập thông tin và quản lý thông tin cá nhân

- Thông tin cá nhân được thu thập ở mức tối thiểu cần thiết cho việc tuyển sinh với sự đồng ý của ứng viên và thông tin được thu thập không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài tuyển sinh và hồ sơ học tập theo quy định của trường đại học Sungshin.
- Thông tin cá nhân được thu thập: Họ tên, số đăng ký người nước ngoài, tên trường đã theo học, ảnh, địa chỉ, số điện thoại, số điện thoại di động, e-mail, số tài khoản hoàn trả phí đăng ký...

※ Hướng dẫn về sai sót trong thông tin và không gửi được thông báo

- Xin lưu ý rằng ứng viên phải chịu trách nhiệm về mọi bất lợi phát sinh do sai sót, thiếu sót, sai chính tả, nộp không đủ tài liệu hoặc quá thời hạn nộp.
- Các thông tin cần thiết trong thời gian tuyển sinh sẽ được **thông báo qua địa chỉ email** của ứng viên, vì vậy vui lòng nhập đúng địa chỉ email. Ứng viên chịu trách nhiệm về mọi vấn đề phát sinh do sai địa chỉ email.

3. Chi phí ứng tuyển

- 1) Khoa (bộ môn) thông thường: 150.000 KRW
- 2) Khoa (bộ môn) Giáo dục nghệ thuật và thể chất: 170.000 KRW

V. Hồ sơ yêu cầu

Thứ tự	Danh mục hồ sơ cần nộp	Nhập học mới	Chuyển tiếp	Hình thức	Công chứng và dấu tím
1	<ul style="list-style-type: none"> ■ Đơn đăng ký nhập học - In ra sau khi đăng ký nhập học online 	O	O	Bản gốc	X
2	<ul style="list-style-type: none"> ■ Bản sao hộ chiếu (bản thân) - In trang có ảnh và quốc tịch 	O	O	Bản in/photo	X
3	<ul style="list-style-type: none"> ■ Thẻ đăng ký người nước ngoài (bản thân) - Nộp nếu ứng viên đang cư trú tại Hàn Quốc sau khi đã đăng ký tư cách người nước ngoài (áp dụng với ứng viên có thẻ cư trú) 	O	O	Bản in/photo	X
4	<ul style="list-style-type: none"> ■ Chứng chỉ thi năng lực tiếng (TOPIK, IELTS, TOEFL iBT) - Tính tới hạn cuối nộp hồ sơ, chứng chỉ phải còn hiệu lực trong 2 năm - Sinh viên từ quốc gia nói tiếng Anh không cần nộp chứng chỉ nếu ứng tuyển vào các ngành hệ tiếng Anh 	O	O	Bản gốc	X
5	<ul style="list-style-type: none"> ■ Giấy chứng nhận (dự kiến) tốt nghiệp - Các trường nước ngoài khác: Cần có Apostille hoặc xác nhận lãnh sự - Các trường ở Trung Quốc: Yêu cầu nộp giấy chứng nhận trình độ học vấn (Tham khảo trang 13 ‘Thông tin về việc nộp giấy chứng nhận lý lịch học tập của học sinh tốt nghiệp các trường ở Trung Quốc’) - Các trường Hàn Quốc: 1 bản gốc ※ Ngoại trừ các bản gốc bằng tiếng Anh, hồ sơ phải được dịch thuật và công chứng 	O	X	Bản gốc	O
6	<ul style="list-style-type: none"> ■ Bảng điểm THPT - Trường Hàn Quốc: Nộp bản gốc học bạ - Trường nước ngoài: Bản công chứng dịch thuật có đủ hợp pháp hóa lãnh sự và dấu tím ※ Học bạ hiện đầy đủ điểm các môn ※ Ngoại trừ các bản gốc bằng tiếng Anh, hồ sơ phải được dịch thuật và công chứng ※ Bảng điểm bắt buộc phải nộp bảng điểm theo từng kỳ hoặc từng năm (điểm số phải được thể hiện theo phần trăm hoặc thang điểm tối đa) 	O	X	Bản gốc	O
7	<ul style="list-style-type: none"> ■ Giấy chứng nhận hoàn thành hoặc (dự kiến) tốt nghiệp đại học - Trường Hàn Quốc: Nộp bản gốc - Các trường ở Trung Quốc: Các trường ở Trung Quốc: Yêu cầu nộp giấy chứng nhận trình độ học vấn (Tham khảo trang 13 ‘Thông tin về việc nộp giấy chứng nhận lý lịch học tập của học sinh tốt nghiệp các trường ở Trung Quốc’) - Trường nước ngoài: Trường nước ngoài: Bản công chứng dịch thuật có đủ hợp pháp hóa lãnh sự và dấu tím ※ Ngoại trừ các bản gốc bằng tiếng Anh, hồ sơ phải được dịch thuật và công chứng 	X	O	Bản gốc	O
8	<ul style="list-style-type: none"> ■ Bảng điểm đại học - Trường Hàn Quốc: Nộp bản gốc - Trường nước ngoài: Trường nước ngoài: Bản công chứng dịch thuật có đủ hợp pháp hóa lãnh sự và dấu tím ※ Học bạ hiện đầy đủ điểm các môn ※ Bảng điểm bắt buộc phải nộp bảng điểm theo từng kỳ hoặc từng năm (điểm số phải được thể hiện theo phần trăm hoặc thang điểm tối đa) 	X	O	Bản gốc	O

9	<ul style="list-style-type: none"> ■ Giấy tờ chứng minh quốc tịch và quan hệ gia đình (bản thân, cha, mẹ) <ul style="list-style-type: none"> · Trung Quốc: Sổ hộ khẩu và giấy chứng nhận quan hệ họ hàng (Nếu có ứng viên và cha mẹ có hộ khẩu riêng thì phải nộp tất cả) · Việt Nam: Giấy xác nhận thông tin cư trú hoặc Sổ hộ khẩu và giấy khai sinh · Mông Cổ: Giấy chứng nhận quan hệ họ hàng · Uzbekistan, Kyrgyzstan, Kazakhstan, Ukraina, Thái Lan: Giấy khai sinh · Myanma: Giấy chứng nhận quan hệ gia đình (Ing Thuang Susayen) · Philippin: Family Census · Indonesia: Giấy chứng nhận quan hệ gia đình (KARTU KELUARGA) ※ Nộp các tài liệu liên quan tới việc ly hôn, tái hôn, tử vong... của cha mẹ Ví dụ) Giấy chứng nhận ly hôn, giấy chứng nhận chưa kết hôn, giấy chứng nhận cha mẹ đơn thân, giấy chứng tử, v.v.... ※ Các quốc gia không cấp giấy chứng nhận gia đình có thể thay bằng giấy khai sinh hoặc giấy tờ ghi rõ quốc tịch của cha mẹ 	O	O	Bản gốc	X								
10	<ul style="list-style-type: none"> ■ Bản sao hộ chiếu của cha mẹ <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cha mẹ không có hộ chiếu, có thể thay bằng CMND của nước sở tại. ※ Ngoại trừ các bản gốc bằng tiếng Anh, hồ sơ phải được dịch thuật và công chứng 	O	O	Bản in/photo	X								
11	<ul style="list-style-type: none"> ■ Giấy xác nhận số dư tiền gửi ngân hàng: Sinh viên trúng tuyển sẽ phải nộp (Thời gian nộp: nộp ngay khi đóng học phí đợt 1, đợt 2) <ul style="list-style-type: none"> - 20.000.000 KRW trở lên - Số dư phải được duy trì tới ngày nhập học - Chỉ chấp nhận giấy xác nhận số dư dưới tên bản thân hoặc bố mẹ <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 15%;">Quốc gia</th> <th>Nội dung</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Trung Quốc</td> <td>Chỉ chấp nhận bản gốc được cấp trong vòng 30 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ xin cấp (hoặc đổi) visa</td> </tr> <tr> <td>Việt Nam</td> <td>· Giấy chứng nhận số dư do tổ chức tài chính Hàn Quốc tại địa phương cấp hoặc giấy chứng nhận từ các ngân hàng chi định (Vietinbank, Vietcombank, Agribank, Techcombank)</td> </tr> <tr> <td>Uzbekistan</td> <td>· Ngân hàng KDB</td> </tr> </tbody> </table> <ul style="list-style-type: none"> - Tuy nhiên, đối với những ứng viên đã hoàn tất đăng ký người nước ngoài và đang lưu trú tại Hàn Quốc thì chỉ chấp nhận giấy xác nhận số dư ngân hàng tại Hàn Quốc (nếu cần có thể yêu cầu thêm giấy xác nhận chuyển tiền từ nước ngoài). ※ Nếu cần xác nhận bổ sung, có thể yêu cầu thêm giấy tờ xác minh khả năng tài chính của cha mẹ như dưới đây. <ul style="list-style-type: none"> · Đăng đi làm: Giấy xác nhận việc làm, bằng chứng đóng phí bảo hiểm xã hội... · Tự kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và sao kê giao dịch trong 6 tháng gần nhất... · Khác: Giấy chứng nhận lương hưu... 	Quốc gia	Nội dung	Trung Quốc	Chỉ chấp nhận bản gốc được cấp trong vòng 30 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ xin cấp (hoặc đổi) visa	Việt Nam	· Giấy chứng nhận số dư do tổ chức tài chính Hàn Quốc tại địa phương cấp hoặc giấy chứng nhận từ các ngân hàng chi định (Vietinbank, Vietcombank, Agribank, Techcombank)	Uzbekistan	· Ngân hàng KDB	O	O	Bản in/photo	X
Quốc gia	Nội dung												
Trung Quốc	Chỉ chấp nhận bản gốc được cấp trong vòng 30 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ xin cấp (hoặc đổi) visa												
Việt Nam	· Giấy chứng nhận số dư do tổ chức tài chính Hàn Quốc tại địa phương cấp hoặc giấy chứng nhận từ các ngân hàng chi định (Vietinbank, Vietcombank, Agribank, Techcombank)												
Uzbekistan	· Ngân hàng KDB												
12	<ul style="list-style-type: none"> ■ Đơn kiểm tra tư cách ứng tuyển <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu do nhà trường quy định 	O	O	Bản gốc	X								
13	<ul style="list-style-type: none"> ■ Đơn chấp thuận xác minh lý lịch học tập <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu do nhà trường quy định có chữ ký của sinh viên 	O	O	Bản gốc	X								
14	<ul style="list-style-type: none"> ■ Giới thiệu bản thân và kế hoạch học tập <ul style="list-style-type: none"> - Viết bằng tiếng Anh hoặc tiếng Hàn - Viết online trên mẫu đăng ký rồi in 	O	O	Bản gốc	X								
15	<ul style="list-style-type: none"> ■ Cam kết đảm bảo chi phí du học (người bảo lãnh tài chính) <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu do nhà trường quy định có chữ ký của sinh viên ※ Người bảo lãnh tài chính chỉ có thể bảo lãnh cho một sinh viên, ứng viên không thể là người bảo lãnh tài chính cho chính mình. 	O	O	Bản gốc	X								
16	<ul style="list-style-type: none"> ■ Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học tiếng Hàn và bảng điểm (nếu có) <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp là sinh viên Viện giáo dục tiếng Hàn của Đại học nữ Sungshin cần nộp 2 loại giấy tờ này. 	O	O	Bản gốc	X								
17	<ul style="list-style-type: none"> ■ Các tài liệu bổ sung khác (áp dụng cho ứng viên muốn nộp) <ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần, điểm số, chứng nhận hoàn thành khóa học ngoại ngữ tại một trường đại học chính quy tại Hàn Quốc - Giấy chứng nhận điểm tuyển sinh đại học quốc gia hoặc giấy chứng nhận trình độ học vấn (SAT, A-LEVEL, IB, 高考...) - Bảng điểm các ngoại ngữ chính thức khác (TOEIC, HSK, JLPT, DELF, DELE, TestDaF...) - Các giải thưởng, chứng chỉ cấp THPT khác... ※ Khi nộp tài liệu bằng ngôn ngữ khác tiếng Anh, cần phải có bản dịch công chứng sang tiếng Hàn hoặc tiếng Anh. 	O	O	Bản gốc	X								

□ **Những lưu ý khi nộp hồ sơ**

1. Về nguyên tắc, tất cả các tài liệu đã nộp phải nộp bản gốc, nhưng nếu nộp bản sao, cần phải gửi tài liệu gốc trước ngày 21.08.2026 (thứ 6) sau khi có kết quả đỗ cuối cùng.
 ※ Ngày ban hành bản gốc: Đề xuất trong vòng 3 tháng kể từ ngày bắt đầu nộp đơn
2. Tất cả các tài liệu bằng các ngôn ngữ khác ngoài tiếng Anh phải được nộp kèm theo bản dịch có công chứng.
 ※ Khi công chứng bản dịch sang ngôn ngữ khác tiếng Anh, ứng viên phải chịu trách nhiệm về mọi bất lợi liên quan đến lỗi dịch thuật văn bản công chứng.
3. Tất cả các tài liệu do các trường học và tổ chức nước ngoài cấp phải nhận được 'xác nhận lãnh sự' của đại sứ quán Hàn Quốc tại nước sở tại, hoặc có 'xác nhận Apostille' trong trường hợp các nước sở tại có tham gia Công ước Apostille.
4. Học sinh dự kiến tốt nghiệp phải nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp sau khi được thông báo đỗ cuối cùng. Giấy chứng nhận tốt nghiệp cũng phải có 'xác nhận Apostille' hoặc 'xác nhận cơ sở giáo dục ở nước ngoài' hoặc 'xác nhận lãnh sự'.
5. Nếu tên trên các giấy tờ đã nộp khác nhau thì phải nộp thêm giấy tờ (do tòa án hoặc người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao cấp) chứng minh là cùng một người.
6. Nếu cần thiết xác nhận bổ sung, Nhà Trường có thể yêu cầu các tài liệu bổ sung từ ứng viên ngoài các tài liệu đã nộp (giấy chứng nhận số dư do tổ chức tài chính Hàn Quốc tại địa phương...).
7. Tất cả các tài liệu đã nộp sẽ không được trả lại.
8. Nếu được xác nhận rằng ứng viên đã vượt qua kỳ thi bằng các phương pháp gian lận như giả mạo hoặc làm sai lệch các tài liệu đã nộp, không đáp ứng điều kiện để ứng tuyển, thuê người thi hộ... thì kết quả đỗ và nhập học sẽ bị hủy bỏ.

VI. Cách thức xét tuyển

1. Các yếu tố lựa chọn

Xét hồ sơ	Ghi chú
100%	Một số trường hợp cần kiểm chứng tài liệu có thể sẽ tiến hành phỏng vấn hoặc thi bổ sung

2. Cách thức xét tuyển

- 1) Phương pháp xét hồ sơ : Đánh giá tổng hợp dựa trên 3 theo chí: năng lực học tập, khả năng hướng nghiệp, khả năng cộng đồng.
- 2) Căn cứ trên tỉ lệ phản ánh của từng tiêu chí tuyển sinh, sinh viên được tuyển chọn theo thứ tự dựa trên tổng số điểm đánh giá của từng khoa.
- 3) Những ứng viên có điểm bằng nhau sẽ được xếp hạng theo nguyên tắc xử lý đồng điểm của Nhà trường.
- 4) Nếu khả năng học tập hoặc tình hình tài chính của ứng viên được đánh giá là không phù hợp, ứng viên không được đánh giá trúng tuyển.
- 5) Nếu kết quả kiểm tra lý lịch học tập sau khi nhập học được phát hiện là khác với thực tế hoặc không đủ tiêu chuẩn, kết quả trúng tuyển có thể bị hủy.
- 6) Thí sinh không đủ điều kiện, không nộp hồ sơ, cung cấp thông tin sai lệch hoặc làm giả hồ sơ, bỏ lỡ kỳ thi hoặc gian lận sẽ bị loại.

VII. Nội dung cần lưu ý

1. Ứng viên cần lưu ý

- 1) Kết quả trúng tuyển sẽ không được thông báo riêng đến từng cá nhân, vì vậy ứng viên phải tự kiểm tra kết quả qua trang web tuyển sinh của trường.
- 2) Hồ sơ tuyển sinh phải bao gồm thông tin liên hệ và địa chỉ để có thể liên lạc trong thời gian xét tuyển. Ứng viên phải chịu mọi bất lợi do sai sót hoặc mất liên lạc (phải ghi đúng địa chỉ email)
- 3) Các vấn đề không được nêu rõ trong hướng dẫn tuyển sinh này sẽ được xác định và thực hiện bởi Ủy ban Quản lý Tuyển sinh Đại học của trường đại học Sungshin.
- 4) Nếu có bất kỳ thắc mắc nào khác, vui lòng liên hệ với văn phòng hỗ trợ hợp tác quốc tế của trường đại học Nữ Sungshin.

Tel: 02-920-7994 Trang web: <https://ipsi.sungshin.ac.kr> Email: intadmission@sungshin.ac.kr

2. Cách đăng ký học dành cho ứng viên trúng tuyển và nội dung chú ý

- 1) Hướng dẫn thanh toán học phí

Phân loại	Hướng dẫn thanh toán học phí	
	1 st Round	2 nd Round
In hóa đơn học phí	24.06.(T4) ~ 26.06.2026.(T6)	29.07.(T4)~ 31.07.2026(T6)
	Có thể in từ trang web tuyển sinh của trường	
Thời hạn đóng học phí	24.06.(T4) ~ 26.06.2026.(T6)	29.07.(T4)~ 31.07.2026(T6)
Số tiền thanh toán	Học phí	
Địa điểm thanh toán	Hướng dẫn riêng tới từng sinh viên	

- 2) Những ứng viên không đóng học phí sẽ bị hủy tư cách trúng tuyển do không đăng ký nhập học.
- 3) Thư nhập học tiêu chuẩn cần thiết để cấp thị thực sẽ được cấp tuần tự bắt đầu từ những ứng viên đã nộp bản gốc hồ sơ thành công và hoàn thành thanh toán học phí. Xin lưu ý rằng mọi bất lợi phát sinh từ việc nộp hồ sơ chậm hoặc không nộp, là trách nhiệm của ứng viên.
- 4) Nếu các nhận được rằng ứng viên đã trúng tuyển nhờ thông tin sai lệch, giả mạo hoặc các phương pháp giả mạo khác trong các tài liệu đã nộp, tư cách trúng tuyển và nhập học vẫn bị hủy bỏ ngay cả sau khi nhập học. Trong trường hợp này, học phí và các khoản khác đã nộp sẽ không được hoàn trả.
- 5) Những ứng viên đã bị hủy nhập học do gian lận trong việc ứng tuyển vào trường Sungshin hoặc các trường đại học khác sẽ không thể ứng tuyển vào đại học Sungshin trong ba năm kể từ ngày hủy bỏ kết quả trúng tuyển.

3. Kiểm tra sức khỏe

- 1) Việc kiểm tra sức khỏe sẽ được tiến hành sau khi nhập học và lịch trình chi tiết sẽ được thông báo sau trên trang web của trường đại học Nữ Sungshin.
- 2) Để ngăn ngừa tai nạn có thể xảy ra do bệnh tật hoặc khuyết tật về thể chất, ứng viên phải cẩn thận lựa chọn khoa (bộ phận) mà ứng viên có thể theo học.

4. Hướng dẫn đăng ký bảo hiểm y tế cho sinh viên quốc tế

Theo Đạo luật Bảo hiểm Y tế Quốc gia và các Quy tắc Thực thi của cùng Đạo luật, từ tháng 3 năm 2021, sinh viên quốc tế sẽ được đăng ký tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc gia trong nước giống như những người nước ngoài khác.

VIII. Học bổng và hỗ trợ

Học bổng của kỳ nhập học sẽ không được trừ vào hóa đơn học phí,
mà sẽ được cấp trong học kỳ đầu sau khi sinh viên đã đóng học phí đầy đủ

1. Học bổng giảm học phí dành cho sinh viên nước ngoài

Đại học Quốc tế

Loại học bổng		Tiêu chuẩn cấp		Nội dung cấp	Thời gian cấp	
Đối tượng	Tên học bổng	Hệ tiếng Hàn	Hệ tiếng Anh			
Sinh viên mới	Giảm học phí cho sinh viên nước ngoài 1	TOPIK cấp 4 trở lên	TOEFL 71 / IELTS 5.5 trở lên Sinh viên từ quốc gia nói tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ hoặc sử dụng tiếng Anh chính thức theo pháp luật	100% học kì đầu tiên	60%	Kì nhập học
	Giảm học phí cho sinh viên nước ngoài 2	TOPIK cấp 3	-		40%	Kì tốt nghiệp
Sinh viên chuyển tiếp năm 3	Giảm học phí cho sinh viên nước ngoài 3	TOPIK cấp 4 trở lên	TOEFL 71 / IELTS 5.5 trở lên Sinh viên từ quốc gia nói tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ hoặc sử dụng tiếng Anh chính thức theo pháp luật	60% học kì đầu tiên	50%	Kì nhập học
	Giảm học phí cho sinh viên nước ngoài 4	TOPIK cấp 3	-		30%	
Sinh viên chuyển tiếp năm 4	Giảm học phí cho sinh viên nước ngoài 5	TOPIK cấp 4 trở lên	TOEFL 71 / IELTS 5.5 trở lên Sinh viên từ quốc gia nói tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ hoặc sử dụng tiếng Anh chính thức theo pháp luật	40% học kì đầu tiên		Kì nhập học
	Giảm học phí cho sinh viên nước ngoài 6	TOPIK cấp 3	-		30% học kì đầu tiên	

※*: Học bổng được cấp vào kì tốt nghiệp sẽ được cấp như chi phí hỗ trợ học tập vào kì thứ 8.

Các khoa còn lại

Tên học bổng	Tiêu chuẩn cấp		Nội dung cấp	Thời gian cấp
	Sinh viên mới và sinh viên chuyển tiếp năm 3	Sinh viên chuyển tiếp năm 4		
Giảm học phí cho sinh viên nước ngoài 1	* TOPIK cấp 6 trở lên	-	100% học phí	Kì nhập học
Giảm học phí cho sinh viên nước ngoài 2	* TOPIK cấp 5	-	80% học phí	
Giảm học phí cho sinh viên nước ngoài 3	* TOPIK cấp 4	-	60% học phí	
Giảm học phí cho sinh viên nước ngoài 4		* TOPIK cấp 5 trở lên	50% học phí	
Giảm học phí cho sinh viên nước ngoài 5	* TOPIK cấp 3	* TOPIK cấp 4 * Ứng viên đã hoàn thành (hoặc dự kiến hoàn thành) ít nhất một học kỳ và dự kiến hoàn thành cấp 3 khóa học tiếng Hàn tại Viện Giáo dục Quốc tế của trường đại học Nữ Sungshin	40% học phí	
Giảm học phí cho sinh viên nước ngoài 6	-	* TOPIK cấp 3	30% học phí	
Giảm học phí cho sinh viên nước ngoài 7	* TOPIK cấp 2 * Ứng viên đã hoàn thành (hoặc dự kiến hoàn thành), cấp 3 trở lên khóa học tiếng Hàn tại các trường đại học khác	* TOPIK cấp 2 * Ứng viên đã hoàn thành (hoặc dự kiến hoàn thành) cấp 3 trở lên khóa học tiếng Hàn tại các trường đại học khác	20% học phí	

Học bổng cho các sinh viên học lên đại học từ viện giáo dục tiếng Hàn của trường

- 1) Tên học bổng: Giảm học phí cho sinh viên người nước ngoài (Học bổng lên đại học)
- 2) Nội dung học bổng: Giảm 100% học phí kì đầu tiên
- 3) Kì cấp: Kì nhập học
- 4) Đối tượng được chọn: Các học sinh đã học trên 2 kì tại Viện giáo dục tiếng Hàn của trường và tốt nghiệp (hoặc chuẩn bị tốt nghiệp) lớp cấp 4 trở lên được Viện trường lựa chọn sẽ nhận học bổng vào kì học đầu tiên lên đại học (hoặc năm 3 nếu chuyển tiếp).

2. Học bổng thành tích dành cho sinh viên nước ngoài (Thời gian chu cấp: (trong các học kỳ thông thường trừ học kỳ nhập học)

Đại học Quốc tế

Tên học bổng	Tiêu chuẩn cấp	Nội dung cấp
Học bổng thành tích dành cho sinh viên nước ngoài 1	Thuộc top 2% thành tích cao nhất học kì trước theo từng chuyên ngành	100% học phí
Học bổng thành tích dành cho sinh viên nước ngoài 2	Thuộc top 5% thành tích cao nhất học kì trước theo từng chuyên ngành	80% học phí
Học bổng thành tích dành cho sinh viên nước ngoài 3	Thuộc top 10% thành tích cao nhất học kì trước theo từng chuyên ngành	60% học phí
Học bổng thành tích dành cho sinh viên nước ngoài 4	Thuộc top 20% thành tích cao nhất học kì trước theo từng chuyên ngành	40% học phí
Học bổng thành tích dành cho sinh viên nước ngoài 5	Thuộc top 50% thành tích cao nhất học kì trước theo từng chuyên ngành	20% học phí

Các khoa còn lại

Tên học bổng	Tiêu chuẩn cấp		Nội dung cấp
	TOPIK cấp 3 trở lên	TOPIK cấp 4 trở lên	
Học bổng thành tích dành cho sinh viên nước ngoài 1	-	4.3 trở lên ở học kỳ trước đó	100% học phí
Học bổng thành tích dành cho sinh viên nước ngoài 2	4.3 trở lên ở học kỳ trước đó	Từ 4.0 ~ 4.3 trở lên ở học kỳ trước đó	80% học phí
Học bổng thành tích dành cho sinh viên nước ngoài 3	Từ 4.0 ~ 4.3 trở lên ở học kỳ trước đó	Từ 3.5 ~ 4.0 trở lên ở học kỳ trước đó	60% học phí
Học bổng thành tích dành cho sinh viên nước ngoài 4	Từ 3.5 ~ 4.0 trở lên ở học kỳ trước đó	Từ 3.0 ~ 3.5 trở lên ở học kỳ trước đó	40% học phí
Học bổng thành tích dành cho sinh viên nước ngoài 5	Từ 3.0 ~ 3.5 trở lên ở học kỳ trước đó	Từ 2.5 ~ 3.0 trở lên ở học kỳ trước đó	20% học phí

※ Tiêu chí xét duyệt sau khi nhập học: Đăng ký ít nhất 12 tín chỉ ở học kỳ trước đó.

3. Các học bổng khác (Thời gian chu cấp: (trong các học kỳ thông thường))

Tên học bổng	Tiêu chuẩn cấp	Nội dung cấp	
Học bổng dành cho sinh viên nước ngoài chăm chỉ	Những sinh viên quốc tế được bộ phận liên quan tiến cử vì lý do hoàn cảnh gia đình...	Một phần chi phí sinh hoạt	
Học bổng Global Plus	Những sinh viên quốc tế tham gia các chương trình giao lưu quốc tế của trường với điều kiện hoàn thành		
	Loại hình		Nội dung
	Chương trình Global Friends	Dành cho sinh viên đáp ứng các yêu cầu và hoàn thành các chương trình bởi nhóm sinh viên Hàn Quốc và sinh viên quốc tế kết hợp (hoạt động được thực hiện hơn 10 lần mỗi học kỳ)	
	Hoạt động sinh viên học bổng Global Plus	Sau khi được chọn tham gia hoạt động Global Plus và hỗ trợ các sự kiện và nhiệm vụ khác nhau do Văn phòng Hợp tác Quốc tế tổ chức trong một học kỳ, các khoản hỗ trợ sẽ được chu cấp theo thời gian hoạt động tích lũy.	

※ Để biết thông tin chi tiết về học bổng, vui lòng liên hệ với Team hỗ trợ sinh viên (Tel. 02-920-7012).

4. Các chương trình hỗ trợ khác

- Sungshin Global Friends

(Buddy)

Là chương trình giúp sinh viên quốc tế thích nghi, các sinh viên Hàn Quốc của trường Sungshin đóng vai trò là bạn bè sẽ giúp đỡ sinh viên nước ngoài thích nghi với trường học và cuộc sống ở Hàn Quốc.

(Tutoring)

Đây là chương trình sinh viên nước ngoài trở thành gia sư và trao đổi ngôn ngữ, văn hóa với sinh viên Hàn Quốc thông qua ngôn ngữ mẹ đẻ của mình, những sinh viên đáp ứng các tiêu chí khi tham gia dạy kèm có thể nhận được học bổng Global Plus.

(Mentoring chuyên ngành)

Sinh viên nước ngoài mới nhập học hoặc chuyển tiếp (gọi là mentee) sẽ được ghép nhóm cùng sinh viên đang theo học cùng khoa/chuyên ngành (gọi là mentor). Sinh viên Mentor sẽ hỗ trợ các du học sinh mới trong việc thích nghi với học tập và đời sống, đồng thời chia sẻ kiến thức chuyên ngành thông qua chương trình mentoring

- Workshop dành cho sinh viên quốc tế

Vào đầu mỗi kỳ học, trường tổ chức Workshop dành cho sinh viên nước ngoài mới nhập học hoặc chuyển tiếp. Thông qua các hoạt động như giới thiệu về trường, làm việc nhóm, trò chơi cộng đồng, hoạt động thể thao v.v... sinh viên có thể hiểu rõ hơn về trường và trở nên gắn bó hơn trong cộng đồng trường.

- Đêm giao lưu quốc tế

Trường tổ chức Đêm giao lưu quốc tế dành cho sinh viên nước ngoài tham gia các chương trình Sungshin Global Friends (Buddy, Tutoring, Mentoring chuyên ngành). Sự kiện này nhằm tạo dựng một văn hóa campus thân thiện, hòa hợp giữa nhiều quốc gia và nền văn hóa khác nhau đồng thời mở ra cơ hội giao lưu giữa các sinh viên tham gia.

- Sungshin Global Festival (SGF)

Thông qua các gian hàng văn hóa và các tiết mục biểu diễn văn nghệ của nhiều quốc gia khác nhau, sự kiện mang đến cơ hội kết nối và giao lưu giữa sinh viên Hàn Quốc và sinh viên quốc tế.

- Hội thao

Sinh viên được trải nghiệm văn hóa hội thao hiện đại của Hàn Quốc, rèn luyện tinh thần hợp tác, giao lưu bạn bè và tăng cường sự gắn kết giữa các thành viên

- Trải nghiệm văn hóa Hàn Quốc

Nhiều trải nghiệm văn hóa Hàn Quốc được tổ chức cho sinh viên quốc tế một hoặc hai lần mỗi học kỳ.

- Hỗ trợ chi phí thi TOPIK

Hỗ trợ lệ phí thi TOPIK mỗi năm một lần để giúp sinh viên quốc tế nâng cao trình độ tiếng Hàn

- Kiểm tra sức khỏe

Khám sức khỏe miễn phí cho sinh viên quốc tế mỗi năm một lần

- Các chương trình giáo dục khác

Cung cấp các chương trình giáo dục đa dạng cho sinh viên quốc tế để có một cuộc sống du học an toàn và thành công

(Giáo dục liên quan đến Luật quản lý xuất nhập cảnh, các hội thảo về việc làm dành cho sinh viên quốc tế, giáo dục về máy tính, PCCC, phòng chống tội phạm...)

- Chuyên trách hỗ trợ cho sinh viên quốc tế của Phòng Hợp tác quốc tế

Hỗ trợ dịch vụ toàn diện từ Phòng Hợp tác Quốc tế trong mọi lĩnh vực, bao gồm học tập, điểm số, cuộc sống và nơi cư trú...

IX. Học phí

※ Bảng học phí tham khảo (Có thể thay đổi vào năm 2025)

Hệ Đại học		Học phí (một học kì)
Đại học Quốc tế	Hàn Quốc học Quốc tế	4,198,000Won
	Công nghiệp Làm đẹp·Thiết kế thời trang	5,893,000Won
Khoa Ngữ văn, Khoa Ngữ văn Anh, Khoa Văn hóa & Ngữ văn Đức, Khoa Văn hóa & Ngữ văn Pháp, Khoa Văn hóa & Ngữ văn Nhật, Khoa Văn hóa & Ngữ văn Trung Quốc, Khoa Sư, Khoa Chính trị ngoại giao, Khoa Tâm lý, Khoa Địa lý, Khoa Kinh tế, Khoa Quản trị kinh doanh, Khoa Luật, Khoa Giáo Dục, Khoa Giáo dục xã hội, Khoa Giáo dục đạo đức, Khoa Giáo dục Hán văn, Khoa Giáo dục trẻ em		3,833,000Won
Khoa Công nghệ Dược phẩm Mới, Khoa Công Nghệ Sinh học Thực phẩm, Khoa Công nghệ Sinh học Đời sống, Khoa Công Nghệ Máy Tính, Khoa Công nghệ thiết kế dịch vụ, Khoa Điều dưỡng, Khoa Công nghiệp may mặc, Khoa Thể dục Thể thao		4,637,000Won
Khoa Kinh doanh Văn hóa Nghệ thuật, Khoa Truyền thông đa phương tiện, Khoa Phúc lợi xã hội, Khoa Công nghệ Bảo mật, Khoa Công Nghiệp người tiêu dùng		4,234,000Won
Khoa Công nghiệp Làm Đẹp, Khoa Hội họa phương Đông, Khoa Hội họa phương Tây, Khoa Điều khắc, Khoa Thủ công mỹ nghệ, Khoa Thiết kế		5,374,000Won
Khoa trình diễn hình ảnh media, Khoa Âm nhạc Ứng dụng hiện đại, Khoa Múa Nghệ thuật, Khoa Thanh nhạc, Khoa Nhạc cụ, Khoa sáng tác.		5,481,000Won
Khoa Khoa học dữ liệu toán học và thống kê, Khoa liên ngành Hóa học & Năng lượng, Khoa Công nghệ Sinh học Sức khỏe, Khoa Y tế sinh học dược phẩm mới, Khoa tích hợp AI		4,940,000Won

X. Các quốc gia nói tiếng Anh

Khu vực	Quốc gia	Ghi chú
Châu Phi	Botswana, Cameroon, Ethiopia, Gambia, Ghana, Kenya, Lesotho, Liberia, Malawi, Mauritius, Namibia, Nigeria, Rwanda, Sierra Leone, Nam Phi, Nam Sudan, Sudan, Swaziland, Tanzania, Uganda, Zambia và Zimbabwe.	Danh sách các quốc gia sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ mẹ đẻ hoặc ngôn ngữ chính thức được giới hạn ở các quốc gia có ngôn ngữ được liệt kê là tiếng Anh (bao gồm cả ngôn ngữ chính thức) trong thông tin quốc gia được cung cấp trên trang web của Bộ Ngoại giao Hàn Quốc.
Châu Á	Brunei, Hồng Kông, Ấn Độ, Malaysia, Pakistan, Philippines, Singapore.	
Châu Đại Dương	Úc, Fiji, Kiribati, Quần đảo Marshall, Liên bang Micronesia, Nauru, New Zealand, Pharaoh, Papua New Guinea, Samoa, Quần đảo Solomon, Tonga, Tuvalu.	
Châu Âu	Ireland, Malta, Vương quốc Anh.	
Bắc Mỹ/Nam Mỹ	Antigua và Barbuda, Bahamas, Belize, Canada, Dominica, Grenada, Guyana, Jamaica, Saint Kitts và Nevis, Saint Lucia, Saint Vincent và Grenadines, Trinidad và Tobago, Hoa Kỳ.	

XI. Ký túc xá

1. Các loại hình ký túc xá

Ký túc xá	Loại hình	Phí ký túc xá (một kì)	Thời gian	Ghi chú
Ký túc xá ngoài trường	Phòng 1 người	2,940,000won	Kỳ thu 2026 25.08~ 30.12.2026	6 tòa nhà dành riêng cho sinh viên ngoại quốc
	Phòng 2,3 người	1,750,000won		
	Phòng 4 người	1,537,500won		
The House	Phòng 2 người	2,097,380won		Dùng chung phòng tắm, nhà vệ sinh, nhà bếp
Seongmiryo	Phòng 1 người	2,677,500won		
	Phòng 2 người	1,859,380won		
	Phòng 3 người	1,487,500won		
	Phòng 4 người	1,115,630won		

※ Phí ký túc xá và thời gian lưu trú có thể thay đổi

2. Hình ảnh ký túc xá



International Affairs and Services Team

Address: (02844) 2, Bomun-ro 34da-gil, Seongbuk-gu, Seoul, Republic of Korea

Tel: 02-920-7994

Email: intadmission@sungshin.ac.kr

Homepage: <https://ipsi.sungshin.ac.kr>

SUNGSHIN WOMEN'S UNIVERSITY



성신여자대학교
SUNGSHIN WOMEN'S UNIVERSITY

